

THỜI KHOÁ BIỂU NĂM HỌC 2026 - 2027
Tuần 02: từ ngày 24/08/2026 đến ngày 30/08/2026

THỨ LỚP		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
CÁC LỚP CAO ĐẲNG HỆ CHÍNH QUY						
K11-DVTY	Sáng	DD và thức ăn CN (Phượng) 4	Trồng trọt cơ bản (Thọ) 4	Dược lý (Duyên) 4	Chính trị (Quế) 4	Vệ sinh thú y (Lệ) 4
P.E204	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp</i> Giải phẫu SLVN (Hằng) 3	Giải phẫu SLVN (Hằng) 4	Tin học (Tâm) 4	Giống vật nuôi (Vân) 4	Tiếng Anh (Linh) 4
K12-DVTY	Sáng				Chính trị (Quế) 4	
P.E204	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Hoà)</i> Giải phẫu SLVN (Hằng) 3	Giải phẫu SLVN (Hằng) 4	Tin học (Tâm) 4		Tiếng Anh (Linh) 4
K10-KTDN	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Thuý)</i> TH KT trong DNSX (Mai) 3	TH KT trong DNSX (Mai) 4	Kế toán DN 2 (Dung) 4	TH KT trong DNSX (Mai) 4	Kế toán DN 2 (Dung) 4
P.E305	Chiều	Kế toán DN 2 (Dung) 4	TH KT trong DNSX (Mai) E303	TH KT trong DNSX (Mai) E303	Kế toán DN 2 (Dung) E303	TH KT trong DNSX (Mai) E303
K11-KTDN	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Thuý)</i> Nguyên lý thống kê (Hoa) E303 3	Nguyên lý thống kê (Hoa) E303 4	Kế toán DN 2 (Dung) 4	Chính trị (Quế) E204	Kế toán DN 2 (Dung) 4
P.E305	Chiều	Kế toán DN 2 (Dung) 4		Tin học (Tâm) E204	Kế toán DN 2 (Dung) E303	Tiếng Anh (Linh) E 204
K12-KTDN	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Thuý)</i> Nguyên lý thống kê (Hoa) E303 3	Nguyên lý thống kê (Hoa) E303 4	Kinh tế vi mô (Thuý) E303	Chính trị (Quế) E204	Lý thuyết KT (Cao Thảo) E303
P.E305	Chiều			Tin học (Tâm) E204		Tiếng Anh (Linh) E 204
CÁC LỚP TRUNG CẤP HỆ CHÍNH QUY						
TT65A1	Sáng					
P.TH	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Hương)</i> Khí tượng NN (Huyền) 3	Cây công nghiệp (Thọ) 4	Cây dược liệu (Huệ) 4	Cây rau (Lịch) 4	Phòng trừ dịch hại (Triệu) 4
TT66A1	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Huệ)</i> Chính trị (Quế) 3	Sinh lý thực vật (Huệ) 2 Côn trùng đại cương (Lịch) 2	GD thể chất (Thuý) 2 Khuyến nông (Thọ) 2	Pháp luật (Huyền) 2 Sinh lý thực vật (Huệ) 2	Côn trùng đại cương (Lịch) 2 Khuyến nông (Thọ) 2
P.TH	Chiều					
CN65A1	Sáng					
P.B306	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Lệ)</i> Luật thú y (P.Nga) 3	Nuôi và PTB cho lợn (Hưng) 4	Trồng trọt cơ bản (Lịch) 4	Nuôi và PTB cho trâu, bò dê, thỏ (Hằng Nga) 4	Nuôi và PTB cho lợn (Hưng) 4

CN65A3	Sáng						
CN65A4							
P.B206	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Vân)</i> Trồng trọt cơ bản (Bình)	1 3	Luật thú y (P. Nga)	4	Nuôi và PTB cho lợn (Hằng Nga)	4
CN66A1	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Huyền)</i> Dược lý thú y (Duyên)	1 3	Giải phẫu SLVN (Hằng) GD thể chất (Hội)	2 2	Kỹ thuật truyền giống (Hằng) DD và TẢ chăn nuôi (Phượng)	2 2
P.B306	Chiều						
LN65A	Sáng						
P.E305	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Lịch)</i> Nuôi dưỡng rừng (Tuyết)	1 3	Khai thác gỗ, tre, nứa (Hùng)	4	Nông lâm kết hợp (Bình)	4
KTĐN65A1	Sáng						
P.E303	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Dung)</i> Kế toán DN 2 (Dung)	1 3	TH KT trong DNSX (Mai)	4	TH KT trong DNSX (Mai)	4
KTĐN65A2	Sáng						
P.E304	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (C.Thảo)</i> Thống kê DN (Thuý)	1 3	Kế toán NS xã, phường (Hoa)	4	Thực hành KT trong DNSX (T. Thảo)	4
KTĐN65B	Sáng						
CSDT	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (T.Thảo)</i> KT NS xã, phường (T Thảo)	1 3	Thống kê DN (Dung)	4	Thống kê DN (Dung)	4
KTĐN66A1	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Thuý)</i> Nguyên lý thống kê (Hoa)	1 3	Nguyên lý thống kê (Hoa)	4	Kinh tế vi mô (Thuý)	4
P.E303	Chiều					GĐ thể chất (Hà) Pháp luật (Huyền)	2 2
KTĐN66B	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Mai)</i> Tin học (Quang)	1 3	Tiếng Anh (T.Nhung)	4	Chính trị (Quốc)	4
CSDT	Chiều					GĐ thể chất (Quang)	4
CNTT65A1	Sáng						
TH1	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Phương)</i> Lắp ráp và BT MT (Trường)	1 3	Quản trị CSDL với Access (Phương)	4	Lập trình Window (Thảo)	4
CNTT65A2	Sáng						
TH2	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Hà)</i> XD phần mềm QL bán hàng (Hà)	1 3	Lắp ráp và BT máy tính (Trường)	4	Đồ hoạ ứng dụng (Quang)	4
CNTT66A1	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Tâm)</i> Tin học (Tâm)	1 3	Tin học VP (Phương)	4	Kỹ năng mềm (Son)	2
TH1	Chiều					Tiếng Anh (Linh)	2

[illegible]

DCN66A4 P.E202	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (P. Anh)</i> An toàn điện (P. Anh)	1 3	GD chính trị (Quốc)	4	Vẽ kỹ thuật điện (Ng. Đức)	4	GD QP-AN (Mạnh)	4	Thiết bị điện GD (Huân)	4
	Chiều										
DCN66B2 P.E203	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Giáp)</i> Thiết bị điện GD (Giáp)	1 3	GD thể chất (Quang) Pháp luật (Huyền)	2 2	An toàn điện (Hoà)	4	Vẽ kỹ thuật điện (Ng. Đức)	4	GD QP-AN (Mạnh)	4
	Chiều										
DCN 66B1 CSDT	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Dương)</i> An toàn điện (Ng. Đức)	1 3	Pháp luật (Nga) GD thể chất (Quang)	2 2	Thiết bị điện GD (Huân)	4	Vẽ kỹ thuật điện (Hoà)	4	An toàn điện (Ng. Đức) Chính trị (Quốc)	2 2
	Chiều										
CBBQ65	Sáng										
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Liên)</i> Chế biến nước mắm (Liên)	1 3	Chế biến lạnh đông TS (Năm)	4	Kỹ thuật điện (Năm)	4	Chế biến nước mắm (Liên)	4	Quản lý chất lượng thủy sản (Liên)	4
KTMTT65	Sáng										
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Năm)</i> Tự động MTT (Đồng)	1 2	Động cơ đốt trong (Đồng)	4	BD, SC thiết bị trên boong (Trung)	4	Khai thác máy phụ tàu thủy (Đồng)		Luật hàng hải (Trung)	4
ĐKTB65	Sáng										
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Ánh)</i> Tiếng anh CN (T.Nhung)	1 3	Bảo quản vỏ tàu (Tiến)	4	Khí tượng hải dương (Tiến)	4	Khai thác vận hành MTT (Trung)	4	Tin học hàng hải (Quang)	4

CÁC LỚP TRUNG CẤP HỆ CHÍNH QUY HỌC CUỐI TUẦN

THỨ		Thứ 6				Thứ 7				Chủ nhật	
LỚP											
TT65A2 P.B102	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Bình)</i> Khí tượng nông nghiệp (Huyền)	1 3	Bệnh cây chuyên khoa (Huyền)	4	Côn trùng đại cương (Huệ)	4				
	Chiều	Cây rau (Huyền)	4	Cây dược liệu (Thọ)	4	Chế biến bảo quản STH (Huệ)	4				
CN65A2 CN66A2 P.B101	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Phượng)</i> Trồng trọt cơ bản (Huệ)	1 3	Chẩn đoán và ĐTH thú y (Vân)	4	Luật thú y (P. Nga)	4				
	Chiều	Kỹ sinh trùng TY (Phượng)	4	Quản trị kinh doanh (Thủy)	4	KTN-PTB trâu, bò... (Hưng)	4				

